

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2019-2022

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ Tài chính về việc quy định công tác quản lý tài chính đối với việc xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Công văn số 419/BKHHCN-TĐC ngày 21/02/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015; Công văn số 3003/BKHHCN-TĐC ngày 25/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 về Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu, thay thế cho Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1238/TTr-SKHHCN ngày 17/12/2018, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2019-2022, bao gồm các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cập nhật, chuyển đổi HTQLCL được áp dụng tại các cơ quan hành chính nhà nước (CQHCCN) trên địa bàn tỉnh phù hợp với phiên bản mới (tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015).

- Chuyển đổi việc áp dụng HTQLCL sang phiên bản mới tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 nhằm tiếp tục cải cách nền hành chính và hệ thống hóa quy trình xử lý công việc hợp lý, khoa học, phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và với quy định của pháp luật; tạo điều kiện để người đứng đầu CQHCNN kiểm soát, quản lý được các quá trình giải quyết công việc; nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ hành chính công; góp phần đẩy nhanh quá trình cải cách thủ tục hành chính của các CQHCNN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Yêu cầu

Chuyển đổi việc xây dựng và áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản mới TCVN ISO 9001:2015 tại các CQHCNN trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo:

- Phạm vi, quy mô áp dụng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung hệ thống tài liệu hiện có đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, phù hợp với hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ công bố và tình hình thực tế của các cơ quan;

- Đảm bảo tính liên thông của thủ tục hành chính, tính khoa học và tiếp cận công việc theo hệ thống; công khai, minh bạch; kết nối áp dụng công nghệ thông tin và các chương trình, công cụ ứng dụng khác trong quản lý, điều hành tại các CQHCNN.

- Bảo đảm sự tham gia đầy đủ của các thành viên, các bộ phận, phòng và các đơn vị có liên quan; đảm bảo việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tiết kiệm, có hiệu lực và hiệu quả.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đối tượng áp dụng

- Các CQHCNN đã áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, gồm có:

- + Văn phòng UBND tỉnh;
- + 19 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- + 19 cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở;
- + 27 UBND huyện, thị xã, thành phố;
- + 69 UBND xã, phường, thị trấn;
- + 01 đơn vị sự nghiệp công lập. *(Phụ lục I kèm theo)*

- Đối với các UBND xã, phường thị trấn và đơn vị sự nghiệp công lập nằm trong kế hoạch theo Quyết định 2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh mà chưa triển khai áp dụng thì xây dựng và áp dụng HTQLCL theo phiên bản mới TCVN ISO 9001:2015.

2. Thời gian thực hiện:

Từ năm 2019 đến 2022

3. Các bước thực hiện việc chuyển đổi (áp dụng cho các cơ quan, đã áp dụng TCVN ISO 9001: 2008)

Bước 1: Xây dựng mô hình khung HTQLCL

Đào tạo kiến thức về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, so sánh sự thay đổi giữa hai phiên bản 2008 và 2015.

Mô hình khung HTQLCL bao gồm: Hệ thống văn bản mẫu, hướng dẫn xác định danh mục các thủ tục hành chính (nếu có) và quy trình xử lý công việc mẫu trong cơ quan.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng HTQLCL các cơ quan so với các yêu cầu của tiêu chuẩn phiên bản năm 2015, tiến hành xây dựng mô hình khung đảm bảo toàn bộ các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được phân công.

Bước 2: Thực hiện chuyển đổi HTQLCL sang phiên bản mới

Căn cứ yêu cầu Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, mô hình khung HTQLCL đã xây dựng tại bước 1, các cơ quan lập, phê duyệt kế hoạch chuyển đổi HTQLCL sang phiên bản mới, trên cơ sở:

- Rà soát, sửa đổi hoặc loại bỏ những tài liệu, nội dung không còn phù hợp;

- Bổ xung những tài liệu chưa có mà cần phải có đáp ứng các yêu cầu có liên quan;

- Hoàn chỉnh và ban hành mới hệ thống tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015.

- Phổ biến, hướng dẫn áp dụng HTQLCL đã xây dựng, cập nhật cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong phạm vi áp dụng.

Bước 3: Áp dụng HTQLCL

- Áp dụng vào thực tế hệ thống văn bản, tài liệu đã được ban hành;

- Đào tạo đội ngũ chuyên gia đánh giá nội bộ;

- Thực hiện đánh giá chất lượng nội bộ theo quy định, khắc phục các điểm không phù hợp;

- Tiến hành xem xét HTQLCL của Lãnh đạo, cải tiến và hoàn chỉnh HTQLCL bảo đảm phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại cơ quan;

- Người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL.

Bước 4: Công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Cơ quan áp dụng HTQLCL công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ) và thông báo bằng văn bản đến cơ quan chủ trì tại địa phương là Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có).

Bước 5. Duy trì, cải tiến HTQLCL

- Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL để áp dụng trong thời gian chậm nhất là 03 tháng kể từ khi văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành;

- Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét HTQLCL của Lãnh đạo tối thiểu một năm một lần để đảm bảo HTQLCL phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, quy định pháp luật và thực tế tại cơ quan;

- Thực hiện công bố lại theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL;

4. Thuê tư vấn thực hiện việc chuyển đổi HTQLCL

- Các cơ quan có thể chủ động thực hiện việc chuyển đổi HTQLCL sang phiên bản mới theo quy định, nếu xét thấy có thể.

- Trường hợp cần sự hỗ trợ của tư vấn, nên sử dụng tổ chức tư vấn của tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý để đảm bảo thống nhất trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Các cơ quan căn cứ định mức thuê khoán và danh mục chi được quy định tại Dự toán kinh phí và thực tế cơ quan thoả thuận, quyết định ký hợp đồng với tổ chức tư vấn.

5. Thời gian thực hiện:

Dự kiến theo Kế hoạch:

- Năm 2019: 02 (áp dụng thí điểm)

- Năm 2020: 43 cơ quan (bao gồm: Văn phòng UBND tỉnh, 9 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, 12 cơ quan chuyên môn thuộc Sở và 21 UBND cấp huyện)

- Năm 2021: 46 đơn vị (bao gồm: 9 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, 06 cơ quan chuyên môn thuộc Sở, 01 đơn vị sự nghiệp công lập, 06 UBND cấp huyện và 24 UBND cấp xã)

- Năm 2022: 45 đơn vị là các UBND cấp xã (*Phụ lục II kèm theo*)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách của tỉnh

- Căn cứ danh mục các cơ quan được thực hiện chuyển đổi hàng năm, Sở Tài chính xem xét phân bổ kinh phí cho từng cơ quan theo dự toán kinh phí đã được Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng chung cho các cơ quan theo từng cấp và Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. (*Phụ lục III, IV kèm theo*)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, phối hợp với Sở Nội vụ và các Sở, Ban, ngành, địa phương chỉ đạo, quán triệt, tổ chức thực hiện và có Kế hoạch triển khai cụ thể; đồng thời chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi và định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả thực hiện.

- Xây dựng mô hình HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 áp dụng cho các cấp CQHCNN trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện các lớp đào tạo về việc chuyển đổi, xây dựng, áp

dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá cho cán bộ, công chức, người lao động tại các cơ quan; cử cán bộ, công chức, người lao động tham gia các lớp đào tạo chuyên gia đánh giá HTQLCL đủ năng lực để tham gia công tác kiểm tra, theo dõi việc thực hiện chuyển đổi áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nội vụ

- Tổ chức triển khai thực hiện việc chuyển đổi HTQLCL tại Sở Nội vụ; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc chuyển đổi theo kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh trong công tác thi đua, khen thưởng đối với cơ quan thực hiện chuyển đổi việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi áp dụng, duy trì HTQLCL tại các cơ quan.

3. Sở Tài chính

- Tổ chức triển khai thực hiện việc chuyển đổi HTQLCL tại Sở Tài chính theo kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm, căn cứ dự toán kinh phí, danh sách các cơ quan thực hiện chuyển đổi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt bố trí phân bổ, giao dự toán kinh phí cho các cơ quan thực hiện theo đúng kế hoạch.

4. Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, Ban cấp tỉnh

Tổ chức triển khai thực hiện việc chuyển đổi HTQLCL tại cơ quan; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc chuyển đổi theo kế hoạch (nếu có).

5. UBND cấp huyện

- Tổ chức triển khai thực hiện việc chuyển đổi HTQLCL tại cơ quan UBND cấp huyện theo kế hoạch.

- Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách địa phương cho các xã thực hiện chuyển đổi xây dựng, áp dụng HTQLCL trong địa bàn quản lý của cấp huyện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo UBND cấp xã triển khai việc thực hiện chuyển đổi theo kế hoạch; thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn thực hiện việc chuyển đổi cho UBND cấp xã trên địa bàn.

6. UBND cấp xã

Tổ chức triển khai thực hiện việc chuyển đổi HTQLCL tại cơ quan UBND cấp xã theo kế hoạch.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyên truyền về nội dung, mục tiêu của Kế hoạch này nhằm tuyên truyền, phổ biến đối với việc chuyển đổi xây dựng, áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 của các CQHCNN trên địa bàn tỉnh.

8. Các cơ quan thực hiện việc chuyển đổi xây dựng, áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015

- Kiện toàn, thành lập Ban Chi đạo (Ban ISO) của cơ quan để triển khai thực hiện việc chuyển đổi áp dụng HTQLCL.

- Triển khai xây dựng, áp dụng, công bố và duy trì có hiệu lực, hiệu quả HTQLCL theo phiên bản TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

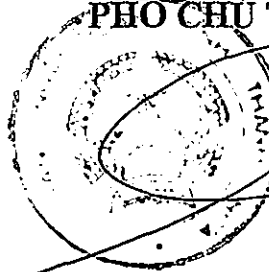
- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện việc triển khai xây dựng, áp dụng HTQLCL cho Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan chủ quản.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc các cơ quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (để báo cáo);
- T. tr Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để thực hiện);
- Các Sở; Ban; ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục I

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN ĐÃ ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001: 2008

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 216 /KH-UBND ngày 24/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên cơ quan	Năm chứng nhận/công bố
1.	UBND và Văn phòng UBND tỉnh	2013
I. Cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh (19 cơ quan)		
2.	Thanh tra tỉnh	2011
3.	Sở Tài chính	2011
4.	Sở Tư pháp	2011
5.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2011
6.	Sở Giáo dục và Đào tạo	2012
7.	Sở Thông tin và Truyền thông	2012
8.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2012
9.	Sở Y tế	2012
10.	Sở Giao thông vận tải	2013
11.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2013
12.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2013
13.	Sở Ngoại vụ	2013
14.	Sở Khoa học và Công nghệ	2014
15.	Sở Xây dựng	2014
16.	Sở Tài nguyên và Môi trường	2014
17.	Sở Công thương	2014
18.	Sở Nội vụ	2014
19.	Ban quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn	2011
20.	Ban Dân tộc	2013
II. Cơ quan chuyên môn thuộc Sở (19 cơ quan)		
21.	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng (Sở KH&CN)	2011
22.	Chi cục Quản lý thị trường (Sở Công Thương)	2011
23.	Chi cục Bảo vệ thực vật (Sở NN&PTNT)	2012
24.	Chi cục Thú y (Sở NN&PTNT)	2012
25.	Chi cục Kiểm lâm (Sở NN&PTNT)	2012
26.	Chi cục Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT)	2012
27.	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Sở NN&PTNT)	2012
28.	Chi cục Lâm nghiệp (Sở NN&PTNT)	2013
29.	Chi cục Thủy lợi (Sở NN&PTNT)	2013
30.	Chi cục Điều độ và phòng chống lụt bão (Sở NN&PTNT)	2013
31.	Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Sở	2013

	NN&PTNT)	
32.	Chi cục Bảo vệ môi trường (Sở TN & MT)	2012
33.	Chi cục Biển, Hải đảo (Sở TN&MT)	2013
34.	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội (Sở LĐTB&XH)	2013
35.	Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình (Sở Y tế)	2013
36.	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm (Sở Y tế)	2013
37.	Ban Thi đua Khen thưởng (Sở Nội vụ)	2013
38.	Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ)	2013
39.	Chi cục Văn thư lưu trữ (Sở Nội vụ)	2013
III. UBND huyện, thị xã, thành phố (27 cơ quan)		
40.	UBND thị xã Bím Sơn	2011
41.	UBND huyện Hà Trung	2011
42.	UBND huyện Nga Sơn	2011
43.	UBND huyện Đông Sơn	2011
44.	UBND thành phố Thanh Hóa	2011
45.	UBND Thành phố Sầm Sơn	2011
46.	UBND huyện Hoằng Hóa	2012
47.	UBND huyện Quảng Xương	2012
48.	UBND huyện Tĩnh Gia	2012
49.	UBND huyện Thọ Xuân	2012
50.	UBND huyện Nông Cống	2012
51.	UBND huyện Ngọc Lặc	2012
52.	UBND huyện Bá Thước	2012
53.	UBND huyện Quan Sơn	2012
54.	UBND huyện Lang Chánh	2012
55.	UBND huyện Thiệu Hóa	2012
56.	UBND huyện Yên Định	2013
57.	UBND huyện Vĩnh Lộc	2013
58.	UBND huyện Thạch Thành	2013
59.	UBND huyện Quan Hóa	2013
60.	UBND huyện Như Thanh	2013
61.	UBND huyện Mường Lát	2013
62.	UBND huyện Triệu Sơn	2013
63.	UBND huyện Thường Xuân	2013
64.	UBND huyện Cẩm Thủy	2013
65.	UBND huyện Như Xuân	2013
66.	UBND huyện Hậu Lộc	2014
IV. UBND cấp xã (69 cơ quan)		
67.	UBND xã Hoằng Thắng (huyện Hoằng Hóa)	2013
68.	UBND xã Minh Dân (huyện Triệu Sơn)	
69.	UBND xã Quảng Cư (Thị xã Sầm Sơn)	
70.	UBND xã Quảng Hợp (huyện Quảng Xương)	
71.	UBND xã Tân Dân (huyện Tĩnh Gia)	
72.	UBND Thị trấn Quán Lào (huyện Yên Định)	2017

73.	UBND xã Định Tường (huyện Yên Định)	
74.	UBND xã Định Long (huyện Yên Định)	
75.	UBND xã Định Bình (huyện Yên Định)	
76.	UBND xã Định Hưng (huyện Yên Định)	
77.	UBND xã Định Tân (huyện Yên Định)	
78.	UBND xã Định Hòa (huyện Yên Định)	
79.	UBND xã Định Tiến (huyện Yên Định)	
80.	UBND xã Định Hải (huyện Yên Định)	
81.	UBND xã Định Thành (huyện Yên Định)	
82.	UBND thị trấn Tĩnh Gia (huyện Tĩnh Gia)	
83.	UBND xã Bình Minh (huyện Tĩnh Gia)	
84.	UBND xã Hải Châu (huyện Tĩnh Gia)	
85.	UBND thị trấn Lưu Vệ (huyện Quảng Xương)	
86.	UBND xã Quảng Tân (huyện Quảng Xương)	
87.	UBND xã Quảng Phong (huyện Quảng Xương)	
88.	UBND xã Quảng Văn (huyện Quảng Xương)	
89.	UBND xã Quảng Bình (huyện Quảng Xương)	
90.	UBND xã Quảng Ngọc (huyện Quảng Xương)	
91.	UBND xã Quảng Đức (huyện Quảng Xương)	
92.	UBND xã Quảng Ninh (huyện Quảng Xương)	
93.	UBND thị trấn Bút Sơn (huyện Hoằng Hóa)	
94.	UBND xã Hoằng Vinh (huyện Hoằng Hóa)	
95.	UBND xã Hoằng Phúc (huyện Hoằng Hóa)	
96.	UBND xã Hoằng Đông (huyện Hoằng Hóa)	
97.	UBND xã Hoằng Hợp (huyện Hoằng Hóa)	
98.	UBND xã Hoằng Đạt (huyện Hoằng Hóa)	
99.	UBND xã Hoằng Ngọc (huyện Hoằng Hóa)	
100.	UBND xã Hoằng Xuân (huyện Hoằng Hóa)	
101.	UBND xã Xuân Giang (huyện Thọ Xuân)	
102.	UBND xã Hạnh Phúc (huyện Thọ Xuân)	
103.	UBND xã Xuân Thành (huyện Thọ Xuân)	
104.	UBND xã Xuân Trường (huyện Thọ Xuân)	
105.	UBND xã Xuân Hòa (huyện Thọ Xuân)	
106.	UBND xã Trường Sơn (huyện Nông Cống)	2017
107.	UBND xã Trượng Văn (huyện Nông Cống)	
108.	UBND xã Minh Thọ (huyện Nông Cống)	
109.	UBND xã Tế Lợi (huyện Nông Cống)	
110.	UBND xã Minh Nghĩa (huyện Nông Cống)	
111.	UBND xã Nga An (huyện Nga Sơn)	
112.	UBND xã Nga Thành (huyện Nga Sơn)	
113.	UBND xã Nga Yên (huyện Nga Sơn)	
114.	UBND xã Nga Hưng (huyện Nga Sơn)	
115.	UBND xã Nga Mỹ (huyện Nga Sơn)	
116.	UBND thị trấn Rừng Thông (huyện Đông Sơn)	

117.	UBND xã Đông Văn (huyện Đông Sơn)	2017
118.	UBND xã Đông Phú (huyện Đông Sơn)	
119.	UBND xã Đông Khê (huyện Đông Sơn)	
120.	UBND xã Đông Ninh (huyện Đông Sơn)	
121.	UBND xã Thiệu Trung (huyện Thiệu Hóa)	
122.	UBND xã Thiệu Hợp (huyện Thiệu Hóa)	
123.	UBND xã Thiệu Đô (huyện Thiệu Hóa)	
124.	UBND xã Thiệu Tiên (huyện Thiệu Hóa)	
125.	UBND xã Thiệu Phú (huyện Thiệu Hóa)	
126.	UBND thị trấn Triệu Sơn (huyện Triệu Sơn)	
127.	UBND xã Vân Sơn (huyện Triệu Sơn)	
128.	UBND xã Minh Sơn (huyện Triệu Sơn)	
129.	UBND xã Đồng Thắng (huyện Triệu Sơn)	
130.	UBND xã Đồng Tiến (huyện Triệu Sơn)	
131.	UBND thị trấn Hà Trung (huyện Hà Trung)	
132.	UBND xã Hà Lĩnh (huyện Hà Trung)	
133.	UBND xã Hà Lai (huyện Hà Trung)	
134.	UBND xã Hà Vân (huyện Hà Trung)	
135.	UBND xã Hà Long (huyện Hà Trung)	
V. Đơn vị sự nghiệp công lập (01 cơ quan)		
136.	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thanh Hóa	2017

Phụ lục II

**DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI HỆ THỐNG
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001: 2008
SANG TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001: 2015**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 216 /KH-UBND ngày 21/12/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên cơ quan
Năm 2019 (02 cơ quan)	
1.	Sở Khoa học và Công nghệ
2.	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
Năm 2020 (43 cơ quan)	
3.	UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh
4.	Thanh tra tỉnh
5.	Sở Tài chính
6.	Sở Tư pháp
7.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.	Sở Giáo dục và Đào tạo
9.	Sở Thông tin và Truyền thông
10.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11.	Sở Y tế
12.	Ban quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn
13.	Chi cục Bảo vệ thực vật (Sở NN&PTNT)
14.	Chi cục Thú y (Sở NN&PTNT)
15.	Chi cục Kiểm lâm (Sở NN&PTNT)
16.	Chi cục Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT)
17.	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Sở NN&PTNT)
18.	Chi cục Bảo vệ môi trường (Sở TN & MT)
19.	Chi cục Biển, hải đảo (Sở TN&MT)
20.	Chi cục Quản lý thị trường (Sở Công Thương)
21.	Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ)
22.	Chi cục Văn thư lưu trữ (Sở Nội vụ)
23.	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm (Sở Y tế)
24.	Ban Thi đua Khen thưởng (Sở Nội vụ)
25.	UBND thị xã Bỉm Sơn
26.	UBND huyện Hà Trung
27.	UBND huyện Nga Sơn
28.	UBND huyện Đông Sơn
29.	UBND thành phố Thanh Hóa
30.	UBND Thị xã Sầm Sơn
31.	UBND huyện Hoằng Hóa
32.	UBND huyện Quảng Xương
33.	UBND huyện Tĩnh Gia

34.	UBND huyện Thọ Xuân
35.	UBND huyện Nông Công
36.	UBND huyện Ngọc Lặc
37.	UBND huyện Bá Thước
38.	UBND huyện Quan Sơn
39.	UBND huyện Lang Chánh
40.	UBND huyện Quan Hóa
41.	UBND huyện Như Thanh
42.	UBND huyện Triệu Sơn
43.	UBND huyện Thường Xuân
44.	UBND huyện Cẩm Thủy
45.	UBND huyện Hậu Lộc
Năm 2021 (46 cơ quan)	
46.	Sở Giao thông vận tải
47.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
48.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
49.	Sở Ngoại vụ
50.	Sở Xây dựng
51.	Sở Tài nguyên và Môi trường
52.	Sở Công thương
53.	Sở Nội vụ
54.	Ban Dân tộc
55.	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thanh Hóa
56.	Chi cục Lâm nghiệp (Sở NN&PTNT)
57.	Chi cục Thủy lợi (Sở NN&PTNT)
58.	Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão (Sở NN&PTNT)
59.	Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Sở NN&PTNT)
60.	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội (Sở LĐTB&XH)
61.	Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình (Sở Y tế)
62.	UBND huyện Thiệu Hóa
63.	UBND huyện Yên Định
64.	UBND huyện Vĩnh Lộc
65.	UBND huyện Thạch Thành
66.	UBND huyện Mường Lát
67.	UBND huyện Như Xuân
68.	UBND xã Hoằng Thắng (huyện Hoằng Hóa)
69.	UBND thị trấn Bút Sơn (huyện Hoằng Hóa)
70.	UBND xã Hoằng Vinh (huyện Hoằng Hóa)
71.	UBND xã Hoằng Phúc (huyện Hoằng Hóa)
72.	UBND xã Hoằng Đông (huyện Hoằng Hóa)
73.	UBND xã Hoằng Hợp (huyện Hoằng Hóa)
74.	UBND xã Hoằng Đạt (huyện Hoằng Hóa)
75.	UBND xã Hoằng Ngọc (huyện Hoằng Hóa)
76.	UBND xã Hoằng Xuân (huyện Hoằng Hóa)

77.	UBND xã Minh Dân (huyện Triệu Sơn)
78.	UBND thị trấn Triệu Sơn (huyện Triệu Sơn)
79.	UBND xã Vân Sơn (huyện Triệu Sơn)
80.	UBND xã Minh Sơn (huyện Triệu Sơn)
81.	UBND xã Đồng Thắng (huyện Triệu Sơn)
82.	UBND xã Đồng Tiến (huyện Triệu Sơn)
83.	UBND xã Quảng Hợp (huyện Quảng Xương)
84.	UBND thị trấn Lưu Vệ (huyện Quảng Xương)
85.	UBND xã Quảng Tân (huyện Quảng Xương)
86.	UBND xã Quảng Phong (huyện Quảng Xương)
87.	UBND xã Quảng Văn (huyện Quảng Xương)
88.	UBND xã Quảng Bình (huyện Quảng Xương)
89.	UBND xã Quảng Ngọc (huyện Quảng Xương)
90.	UBND xã Quảng Đức (huyện Quảng Xương)
91.	UBND xã Quảng Ninh (huyện Quảng Xương)
Năm 2022 (45 cơ quan)	
92.	UBND xã Quảng Cư (Thị xã Sầm Sơn)
93.	UBND xã Tân Dân (huyện Tĩnh Gia)
94.	UBND thị trấn Tĩnh Gia (huyện Tĩnh Gia)
95.	UBND xã Bình Minh (huyện Tĩnh Gia)
96.	UBND xã Hải Châu (huyện Tĩnh Gia)
97.	UBND Thị trấn Quán Lào (huyện Yên Định)
98.	UBND xã Định Tường (huyện Yên Định)
99.	UBND xã Định Long (huyện Yên Định)
100.	UBND xã Định Bình (huyện Yên Định)
101.	UBND xã Định Hưng (huyện Yên Định)
102.	UBND xã Định Tân (huyện Yên Định)
103.	UBND xã Định Hòa (huyện Yên Định)
104.	UBND xã Định Tiến (huyện Yên Định)
105.	UBND xã Định Hải (huyện Yên Định)
106.	UBND xã Định Thành (huyện Yên Định)
107.	UBND xã Xuân Giang (huyện Thọ Xuân)
108.	UBND xã Hạnh Phúc (huyện Thọ Xuân)
109.	UBND xã Xuân Thành (huyện Thọ Xuân)
110.	UBND xã Xuân Trường (huyện Thọ Xuân)
111.	UBND xã Xuân Hòa (huyện Thọ Xuân)
112.	UBND xã Trường Sơn (huyện Nông Cống)
113.	UBND xã Tượng Văn (huyện Nông Cống)
114.	UBND xã Minh Thọ (huyện Nông Cống)
115.	UBND xã Tế Lợi (huyện Nông Cống)
116.	UBND xã Minh Nghĩa (huyện Nông Cống)
117.	UBND xã Nga An (huyện Nga Sơn)
118.	UBND xã Nga Thành (huyện Nga Sơn)
119.	UBND xã Nga Yên (huyện Nga Sơn)

120.	UBND xã Nga Hưng (huyện Nga Sơn)
121.	UBND xã Nga Mỹ (huyện Nga Sơn)
122.	UBND thị trấn Rừng Thông (huyện Đông Sơn)
123.	UBND xã Đông Văn (huyện Đông Sơn)
124.	UBND xã Đông Phú (huyện Đông Sơn)
125.	UBND xã Đông Khê (huyện Đông Sơn)
126.	UBND xã Đông Ninh (huyện Đông Sơn)
127.	UBND xã Thiệu Trung (huyện Thiệu Hóa)
128.	UBND xã Thiệu Hợp (huyện Thiệu Hóa)
129.	UBND xã Thiệu Đô (huyện Thiệu Hóa)
130.	UBND xã Thiệu Tiến (huyện Thiệu Hóa)
131.	UBND xã Thiệu Phú (huyện Thiệu Hóa)
132.	UBND thị trấn Hà Trung (huyện Hà Trung)
133.	UBND xã Hà Lĩnh (huyện Hà Trung)
134.	UBND xã Hà Lai (huyện Hà Trung)
135.	UBND xã Hà Vân (huyện Hà Trung)
136.	UBND xã Hà Long (huyện Hà Trung)

Phụ lục III
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI ÁP DỤNG HTQLCL
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 VÀO HOẠT
ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 216 /KH-UBND ngày 24/12/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung	Cơ sở tính			Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Định mức (VNĐ)		
I. Đối với UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh						
1	Chi hoạt động thuê tư vấn xây dựng HTQLCL	Hợp đồng	01	30.000.000	30.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4, TT 116/2015/TT-BTC
2	Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện (Chi cho hoạt động rà soát, đánh giá thực trạng, sửa đổi, bổ sung hệ thống tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015)	Quy trình	80	625.000	50.000.000	
	Tổng				80.000.000	
II. Đối với UBND cấp huyện; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh						
1	Chi hoạt động thuê tư vấn xây dựng HTQLCL	Hợp đồng	01	25.000.000	25.000.000	Điểm b, Khoản 2, Điều 4, TT 116/2015/TT-BTC
2	Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện (Chi cho hoạt động rà soát, đánh giá thực trạng, sửa đổi, bổ sung hệ thống tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015)	Quy trình	80	500.000	40.000.000	

	Tổng				65.000.000	
III. Đối với cơ quan cấp Chi cục						
1	Chi hoạt động thuê tư vấn xây dựng HTQLCL	Hợp đồng	01	20.000.000	20.000.000	Điểm c, Khoản 2, Điều 4, TT 116/2015/TT-BTC
2	Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện (Chi cho hoạt động rà soát, đánh giá thực trạng, sửa đổi, bổ sung hệ thống tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015)	Quy trình	50	500.000	25.000.000	
	Tổng				45.000.000	
IV. Đối với UBND cấp xã, phường, thị trấn, đơn vị sự nghiệp công lập						
1	Chi hoạt động thuê tư vấn xây dựng HTQLCL	Hợp đồng	01	16.000.000	16.000.000	Điểm d, Khoản 2, Điều 4, TT 116/2015/TT-BTC
2	Chi cho hoạt động do cơ quan thực hiện (Chi cho hoạt động rà soát, đánh giá thực trạng, sửa đổi, bổ sung hệ thống tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015)	Quy trình	100	200.000	20.000.000	
	Tổng				36.000.000	

Phụ lục IV

**DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG THEO TCVN ISO 9001: 2015**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 216 /KH-UBND ngày 24 /12/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Cơ sở tính			Thành tiền	Ghi chú
		ĐVT	SL	Định mức		
1	Chi tổ chức Hội nghị tập huấn				34.050	
	Giảng viên	Người	1	1.000	1.000	
	Hội trường	Ngày	1	7.000	7.000	
	Maket, âm thanh, loa đài	Bộ	1	5.000	5.000	
	Máy chiếu	Cái	1	1.500	1.500	
	Lễ tân, phục vụ	Người	7	100	700	
	Tài liệu	Bộ	150	45	6.750	
	In giấy mời	Cái	50	10	500	
	Nước uống	Người	150	40	6.000	
	Truyền hình, đưa tin	Người	3	200	600	
	Chi khác			5.000	5.000	
2	Học tập bồi dưỡng nghiệp vụ				10.920	
	Tiền CTP (06 người x 200.000 đ/người/ngày)	Ngày	3	1.200	3.600	
	Tiền ngủ (06 người x 450.000 đ/người/ngày)	Ngày	2	2.700	5.400	
	Tiền xe (06 người x 160.000đ/người/1 lượt)	Lượt	2	960	1.920	
3	Chi hoạt động xây dựng mô hình khung		6	12.000	72.000	
	Tổng cộng:				116.970	